

Số: 59/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về biên chế và chỉ tiêu hợp đồng lao động
khối chính quyền thành phố Hà Nội năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Xét Tờ trình số 497/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân Thành phố về kế hoạch biên chế và chỉ tiêu hợp đồng lao động khối
chính quyền thành phố Hà Nội năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 126/BC-BPC
ngày 06/12/2024 của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội
đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tổng biên chế công chức và hợp đồng chuyên môn,
nghề nghiệp trong cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác theo quy định
tại Luật Thủ đô năm 2025, như sau:

- Biên chế công chức hành chính cấp huyện trở lên: 7.940 chỉ tiêu, trong đó:
 - Chỉ tiêu biên chế phân bổ: 7.864 chỉ tiêu;
 - Chỉ tiêu biên chế dự phòng: 76 chỉ tiêu.

2. Hợp đồng chuyên môn, nghề nghiệp trong cơ quan chuyên môn và tổ
chức hành chính khác theo quy định tại Luật Thủ đô: 412 chỉ tiêu.

(Chi tiết tại biểu số 01)

Điều 2. Thông qua số lượng cán bộ, công chức phường; cán bộ, công
chức xã, thị trấn; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm
2025, như sau:

- Cán bộ phường: 1.056 chỉ tiêu.
- Công chức phường: 2.625 chỉ tiêu.
- Cán bộ, công chức xã, thị trấn: 8.632 chỉ tiêu.
- Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 8.065 chỉ tiêu.

(Chi tiết tại biểu số 01)

Điều 3. Thông qua tổng biên chế viên chức hưởng lương ngân sách nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025: 117.555 chỉ tiêu, trong đó:

1. Chỉ tiêu biên chế phân bổ: 117.275 chỉ tiêu.
2. Chỉ tiêu biên chế dự phòng: 280 chỉ tiêu.

(Chi tiết tại biểu số 01)

Điều 4. Phân bổ 22.838 chỉ tiêu hợp đồng lao động trong trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội năm 2025 như sau:

1. Hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 11.918 chỉ tiêu, trong đó:

- a) Khối các cơ quan hành chính: 1.440 chỉ tiêu;
- b) Khối các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố: 10.478 chỉ tiêu.

2. Hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ tại đơn vị sự nghiệp thuộc nhóm 4 lĩnh vực y tế, giáo dục theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 2.807 chỉ tiêu.

3. Hợp đồng làm công việc nhân viên nuôi dưỡng tại Trường mầm non: 8.113 chỉ tiêu.

(Chi tiết tại biểu số 02)

Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp; số lượng cán bộ phường; cán bộ, công chức xã, thị trấn; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; chỉ tiêu hợp đồng lao động trong trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố cùng với giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội để các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện ngay từ đầu năm 2025. Trong năm 2025, nếu có phát sinh (tăng hoặc giảm) so với Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố trước khi thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố vào kỳ họp gần nhất. Ngoài ra, đối với các nhiệm vụ khác, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét giao chỉ tiêu biên chế, chỉ tiêu hợp đồng lao động theo thẩm quyền làm cơ sở cấp kinh phí để các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Nghị quyết thực hiện Luật Thủ đô và các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về việc sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

3. Chỉ đạo các Sở và cơ quan tương đương sở, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã triển khai một số nội dung sau:

a) Rà soát, sắp xếp, xây dựng phương án sử dụng hiệu quả biên chế được giao năm 2025. Đối với những đơn vị còn nhiều biên chế chưa sử dụng, xây dựng kế hoạch tuyển dụng hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền thực hiện tuyển dụng theo quy định. Trong quá trình tuyển dụng phải dự tính số chỉ tiêu biên chế tinh giản theo tỷ lệ 5% vào năm 2026. Nếu đơn vị tuyển dụng vượt quá chỉ tiêu phải tinh giản, thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm theo quy định.

b) Đối với công chức làm việc tại các Đội Quản lý trật tự xây dựng, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã thực hiện rà soát, bố trí, sắp xếp, điều chuyển nội bộ từ nơi thừa sang nơi thiếu phù hợp với vị trí việc làm (chuyển từ Đội về phòng chuyên môn hoặc xã, phường, thị trấn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc...). Trường hợp đã thực hiện sắp xếp, điều chuyển nhưng số công chức có mặt vẫn nhiều hơn số biên chế được giao, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xem xét phương án điều chuyển sang đơn vị khác.

c) Thực hiện ký hợp đồng làm chuyên môn nghiệp vụ theo số chỉ tiêu được giao đảm bảo đúng quy định, chất lượng, hiệu quả.

4. Tiếp tục triển khai đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương, các Kết luận, chỉ đạo của Thành ủy; hoàn thiện một số mô hình tổ chức bộ máy sau thời gian thực hiện hiện thí điểm.

5. Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, một số sở đảm bảo một việc một đầu mối xuyên suốt và không trùng chéo giữa các đơn vị theo tinh thần quy định tại Luật Thủ đô.

6. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, điều chỉnh Đề án Vị trí việc làm các cơ quan, đơn vị sau khi kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức.

7. Triển khai hiệu quả các Nghị quyết thực hiện Luật Thủ đô về tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ, thu nhập tăng thêm, phân cấp, ủy quyền.

8. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định giá dịch vụ tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của Thành phố để làm cơ sở nâng mức tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập. Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ công lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo hướng tính đúng, tính đủ làm cơ sở đặt hàng dịch vụ để áp dụng chính thức trên địa bàn Thành phố.

9. Tiếp tục tham mưu các giải pháp thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sang tự chủ tài chính đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu theo quy định.

10. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trong đó tập trung: đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng; đổi mới công tác tuyển dụng; nâng cao chất lượng đánh giá cán bộ, công chức, viên

chức; tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động; thực hiện thanh tra, kiểm công vụ thường xuyên và đột xuất.

11. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy nhanh các giải pháp thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

Điều 6. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024./

Nơi nhận: u

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác ĐB thuộc UBTVQH
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP, UBMTTQ TP;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐNDTP, UBND TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Trung tâm thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn



CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Người

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2025									
		Tổng cộng	Biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác theo quy định tại Luật Thủ đô			Số lượng cán bộ, công chức phường; cán bộ, công chức xã, thị trấn; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã				Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức hưởng lương NSNN)	
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
				Biên chế công chức	Chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ		Cán bộ phường	Công chức phường	Cán bộ, công chức xã		Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã
	TOÀN THÀNH PHỐ	146 285	8 352	7 940	412	20 378	1 056	2 625	8 632	8 065	117 555
I	KHỐI SỐ, BAN, NGÀNH	19 028	3 466	3 317	149						15 562
1	Văn phòng UBND Thành phố	184	150	143	7						34
2	Các cơ quan thuộc HĐND Thành phố	62	62	62							
3	Sở Thông tin và Truyền thông	125	69	69							56
4	Sở Nội vụ	155	124	122	2						31
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1 211	549	539	10						662
6	Sở Công Thương	184	125	120	5						59
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	209	180	160	20						29
8	Sở Tài chính	226	210	201	9						16
9	Sở Xây dựng	200	200	195	5						
10	Sở Giao thông Vận tải	488	408	397	11						80
11	Sở Khoa học và Công nghệ	151	91	86	5						60
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	1 186	144	142	2						1 042
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	10 708	130	126	4						10 578
14	Sở Y tế	1 793	158	153	5						1 635
15	Sở Văn hóa và Thể thao	1 100	112	107	5						988
16	Sở Du lịch	57	57	52	5						
17	Sở Tư pháp	163	81	76	5						82
18	Sở Ngoại vụ	43	43	38	5						
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	266	175	170	5						91
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	128	104	94	10						24
21	Thanh tra Thành phố	117	117	112	5						
22	Ban Dân tộc	24	24	21	3						
23	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	75	55	53	2						20

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2025									Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức hưởng lương NSNN)
		Tổng cộng	Biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác theo quy định tại Luật Thủ đô			Số lượng cán bộ, công chức phường; cán bộ, công chức xã, thị trấn; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã					
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
				Biên chế công chức	Chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ		Cán bộ phường	Công chức phường	Cán bộ, công chức xã	Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã	
24	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	90	55	44	11					35	
25	Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	83	43	35	8					40	
II	KHỐI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC UBND THÀNH PHỐ	896								896	
1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	112								112	
2	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội	91								91	
3	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	69								69	
4	Trường Đại học Thủ đô	407								407	
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	112								112	
6	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	105								105	
III	KHỐI QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	126 005	4 810	4 547	263	20 378	1 056	2 625	8 632	8 065	100 817
1	UBND quận Hoàn Kiếm	2 657	172	168	4	631	108	270		253	1 854
2	UBND quận Hai Bà Trưng	3 694	180	169	11	630	108	270		252	2 884
3	UBND quận Ba Đình	3 176	164	157	7	489	84	210		195	2 523
4	UBND quận Đống Đa	4 013	188	183	5	736	126	315		295	3 089
5	UBND quận Tây Hồ	2 018	149	141	8	287	48	120		119	1 582
6	UBND quận Thanh Xuân	3 125	158	149	9	405	66	165		174	2 562
7	UBND quận Cầu Giấy	2 946	151	143	8	313	48	120		145	2 482
8	UBND quận Hoàng Mai	4 505	173	166	7	550	84	210		256	3 782
9	UBND quận Long Biên	4 653	170	162	8	509	84	210		215	3 974
10	UBND quận Nam Từ Liêm	2 882	163	154	9	421	60	150		211	2 298
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	3 414	170	160	10	443	78	195		170	2 801
12	UBND quận Hà Đông	5 716	178	171	7	628	102	255		271	4 910
13	UBND huyện Thanh Trì	4 593	173	163	10	628			378	250	3 792
14	UBND huyện Gia Lâm	4 646	181	171	10	808			492	316	3 657
15	UBND huyện Đông Anh	6 225	192	182	10	938			565	373	5 095
16	UBND huyện Sóc Sơn	6 176	187	182	5	936			572	364	5 053
17	UBND huyện Ba Vì	5 978	160	149	11	1 084			666	418	4 734
18	UBND thị xã Sơn Tây	2 831	152	146	6	519	60	135	128	196	2 160

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2025								Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức hưởng lương NSNN)	
		Tổng cộng	Biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác theo quy định tại Luật Thủ đô			Số lượng cán bộ, công chức phường; cán bộ, công chức xã, thị trấn; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã					
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
				Biên chế công chức	Chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ		Cán bộ phường	Công chức phường	Cán bộ, công chức xã		Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã
19	UBND huyện Thạch Thất	4 315	147	137	10	774			479	295	3 394
20	UBND huyện Phúc Thọ	3 838	140	132	8	691			432	259	3 007
21	UBND huyện Đan Phượng	3 226	148	134	14	540			334	206	2 538
22	UBND huyện Hoài Đức	4 810	157	144	13	712			436	276	3 941
23	UBND huyện Quốc Oai	4 180	143	136	7	708			438	270	3 329
24	UBND huyện Chương Mỹ	5 938	157	144	13	1 118			687	431	4 663
25	UBND huyện Thanh Oai	3 996	141	131	10	726			447	279	3 129
26	UBND huyện Thường Tín	4 848	145	137	8	938			585	353	3 765
27	UBND huyện Ứng Hòa	4 420	142	135	7	934			583	351	3 344
28	UBND huyện Phú Xuyên	4 644	142	134	8	882			550	332	3 620
29	UBND huyện Mỹ Đức	4 267	142	131	11	734			455	279	3 391
30	UBND huyện Mê Linh	4 275	145	136	9	666			405	261	3 464
IV	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	356	76	76							280



**PHÂN BỐ CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH,
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: Người

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH NĂM 2025					
		Tổng cộng	Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HĐLĐ theo NĐ111 làm hỗ trợ, phục vụ)	Khối đơn vị sự nghiệp			
				Tổng cộng	HĐLĐ theo NĐ111 làm hỗ trợ, phục vụ	HĐLĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục)	HĐLĐ định mức (làm công nuôi)
	TOÀN THÀNH PHỐ	22 838	1 440	21 398	10 478	2 807	8 113
A	Khối Sở, ngành	3 140	867	2 273	2 250	7	16
1	Văn phòng UBND Thành phố	53	52	1	1		
2	Các cơ quan thuộc HĐND Thành phố	17	17				
3	Sở Thông tin và Truyền thông	16	13	3	3		
4	Sở Nội vụ	44	34	10	10		
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	286	186	100	100		
6	Sở Công Thương	28	20	8	8		
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	19	17	2	2		
8	Sở Tài chính	15	12	3	3		
9	Sở Xây dựng	22	22				
10	Sở Giao thông vận tải	300	290	10	10		
11	Sở Khoa học và Công nghệ	27	7	20	20		
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1 119	22	1 097	1 097		
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	559	20	539	523		16
14	Sở Y tế	314	33	281	274	7	
15	Sở Văn hóa và Thể thao	202	16	186	186		
16	Sở Du lịch	9	9				
17	Sở Tư pháp	18	13	5	5		
18	Sở Ngoại vụ	8	8				
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	17	14	3	3		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH NĂM 2025					
		Tổng cộng	Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HĐLĐ theo NĐ111 làm hỗ trợ, phục vụ)	Khối đơn vị sự nghiệp			
				Tổng cộng	HĐLĐ theo NĐ111 làm hỗ trợ, phục vụ	HĐLĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục)	HĐLĐ định mức (làm công nuôi)
20	Sở Quy hoạch kiến trúc	18	15	3	3		
21	Thanh tra Thành phố	10	10				
22	Ban Dân tộc	8	8				
23	Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất	11	9	2	2		
24	Ban Quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc	7	7				
25	Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	13	13				
B	Khối đơn vị sự nghiệp thuộc UBND Thành phố	132		132	132		
1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	85		85	85		
2	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội	12		12	12		
3	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	4		4	4		
4	Trường Đại học Thủ đô	24		24	24		
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	3		3	3		
6	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	4		4	4		
C	Khối UBND quận, huyện, thị xã	19 566	573	18 993	8 096	2 800	8 097
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	331	28	303	193		110
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	527	32	495	270	32	193
3	UBND Quận Ba Đình	378	18	360	214		146
4	UBND Quận Đống Đa	507	28	479	279		200
5	UBND Quận Tây Hồ	284	17	267	115	36	116
6	UBND Quận Thanh Xuân	366	18	348	157		191
7	UBND Quận Cầu Giấy	437	17	420	164	69	187
8	UBND quận Hoàng Mai	499	17	482	244		238
9	UBND Quận Long Biên	819	6	813	285	164	364
10	UBND Quận Nam Từ Liêm	360	20	340	158		182

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH NĂM 2025					
		Tổng cộng	Khối cơ quan, tổ chức hành chính (HĐLĐ theo NĐ111 làm hỗ trợ, phục vụ)	Khối đơn vị sự nghiệp			
				Tổng cộng	HĐLĐ theo NĐ111 làm hỗ trợ, phục vụ	HĐLĐ làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị do NSNN đảm bảo (y tế; giáo dục)	HĐLĐ định mức (làm công nhân)
11	UBND Quận Bắc Từ Liêm	417	20	397	192		205
12	UBND Quận Hà Đông	775	20	755	272	62	421
13	UBND Huyện Thanh Trì	774	18	756	325	85	346
14	UBND Huyện Gia Lâm	748	23	725	307	128	290
15	UBND Huyện Đông Anh	1 187	12	1 175	342	389	444
16	UBND Huyện Sóc Sơn	974	20	954	446	96	412
17	UBND Huyện Ba Vì	1 063	21	1 042	483	182	377
18	UBND Thị xã Sơn Tây	398	23	375	202		173
19	UBND Huyện Thạch Thất	679	12	667	273	135	259
20	UBND Huyện Phúc Thọ	634	14	620	254	114	252
21	UBND Huyện Đan Phượng	468	23	445	189	49	207
22	UBND Huyện Hoài Đức	757	12	745	260	73	412
23	UBND Huyện Quốc Oai	739	24	715	322	116	277
24	UBND Huyện Chương Mỹ	1 005	24	981	374	252	355
25	UBND Huyện Thanh Oai	627	12	615	237	130	248
26	UBND Huyện Thường Tín	801	13	788	302	208	278
27	UBND Huyện Ứng Hòa	691	24	667	313	89	265
28	UBND Huyện Phú Xuyên	765	15	750	296	122	332
29	UBND Huyện Mỹ Đức	817	24	793	379	121	293
30	UBND huyện Mê Linh	739	18	721	249	148	324